

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Số: 82/XSKT
V/v Báo cáo giám sát
Tài chính năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tình hình tài chính năm 2022 theo một số nội dung sau:

Bước sang năm 2022, tình hình dịch COVID19 trên địa bàn tỉnh những tháng đầu năm diễn biến hết sức phức tạp, khó lường; các ca lây nhiễm ở trong tỉnh liên tục tăng cao; đặc biệt khu vực Thành phố Tuyên Quang bắt đầu từ tháng 02/2022... Toàn tỉnh gồng mình chống dịch, việc thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch (cách ly, điều trị) ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân phải cắt giảm chi tiêu để tập trung cho đời sống vật chất, việc vui chơi giải trí bị hạn chế trong đó có hoạt động xổ số.

Tệ nạn cờ bạc, cá cược, số đề vẫn là một vấn đề nhức nhối, gây ra những ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đối với hoạt động kinh doanh xổ số. Thêm vào đó những năm gần đây trùng hợp với dịch COVID19 sự phát triển của công nghệ thông tin, thiết bị di động cầm tay, ngân hàng chuyển đổi số... tại Việt Nam phát triển vượt bậc, các trang mạng xã hội, các App vui chơi giải trí cờ bạc trái pháp luật mở ra rầm rộ đa dạng về kiểu chơi cách thức chơi, có những loại hình sản phẩm giống như hoạt động xổ số, trả thưởng cao, hình thức đa dạng... với các nhà cái máy chủ được đặt ở trong và ngoài nước... đó cũng là một vấn đề.

Xổ số Điện toán Việt Nam (Vietlot) phát hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng đã thu hút một bộ phận không nhỏ người tham gia dẫn đến thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xổ số bị chia sẻ, sản phẩm của họ đa dạng, trả thưởng

cao, có những sản phẩm quay số mở thưởng liên tục 15 phút một lần, được phát hành bán vé, trả thưởng trên mạng Internet, thanh toán qua hệ thống ngân hàng...

Yếu tố thời tiết cũng có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh xổ số trong năm 2022, việc mưa nhiều trong quý III đã ảnh hưởng đến thói quen mua xổ số của khách hàng, dẫn đến sức mua giảm sút đáng kể.

Những yếu tố nêu trên đã làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự tập trung áp dụng các giải pháp phù hợp, vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch vừa phát triển kinh doanh cùng sự tích cực, năng động, sáng tạo trong công tác điều hành của Ban Giám đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 đã đạt được kết quả nhất định.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Doanh thu: Kế hoạch UBND tỉnh giao 85.000 triệu đồng, Công ty thực hiện được 79.488,3 triệu đồng đạt 93,52% so với kế hoạch. So với thực hiện năm 2021 là 79.573,6 triệu đồng đạt 99,89%

- Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:

+ Lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.678,0 triệu đồng, Công ty thực hiện được 1.678,67 triệu đồng đạt trên 100,04% so với kế hoạch.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu công ty xây dựng kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt:

$$\frac{1.678,0 \text{ tr.đ}}{11.868,8 \text{ tr.đ}} = 14,13 \%$$

Chi tiêu khi xây dựng được xác định là Lợi nhuận sau thuế/(Vốn chủ sở hữu + Quỹ đầu tư phát triển) theo cách tính này thì Tỷ suất lợi nhuận sau thuế Công ty thực hiện năm 2022:

$$\frac{1.678,67 \text{ tr.đ}}{11.868,8 \text{ tr.đ}} = 14,14 \%$$

Đạt 100,07% so với kế hoạch

Công ty thực hiện năm 2022:

$$\frac{1.678,67 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 13,99 \%$$

Lý do: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch do công ty đang thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang (Bổ sung đủ vốn điều lệ từ 9 tỷ đồng lên 12 tỷ đồng). Năm 2022, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong năm công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển số tiền 131,2 triệu đồng để tăng vốn điều lệ.

- Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn: Công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

- Chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm: Công ty thực hiện tốt

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích dịch vụ: Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và cộng đồng, đồng thời vận động cán bộ công nhân viên ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ vì người nghèo, ủng hộ phòng chống dịch bệnh Covid-19.

2. Bảo toàn vốn và phát triển vốn. (kèm theo biểu mẫu B06MS01)

a) Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu năm 2021 của công ty là: 11.868,8 triệu đồng

+ Trong đó: Vốn điều lệ : 9.000 triệu đồng

Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 2.868,8 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu năm 2022 của công ty là: 12.000 triệu đồng

+ Trong đó: Vốn điều lệ : 9.000 triệu đồng

Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 3.000 triệu đồng

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{11.868,8 \text{ tr.đ}} = 1,011$$

=> Theo quy định năm 2022 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến hết 31/12/2022 là: 25.169,4 triệu đồng

+ Trong đó: Tài sản ngắn hạn là: 15.640,3 triệu đồng

Tài sản dài hạn là: 9.529,1 triệu đồng

c) Lợi nhuận thực hiện năm 2022:

+ Lợi nhuận trước thuế là: 2.114,19 triệu đồng;

+ Lợi nhuận sau thuế là: 1.678,67 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{1.678,67 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 13,99 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{1.678,67 \text{ trđ}}{25.169,4 \text{ trđ}} = 6,67 \%$$

3. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3.1. Đầu tư dự án (kèm theo biểu mẫu 02A)

Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xổ số kiến thiết 2 huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa, hiện tại 02 dự án đang trong bước hoàn thiện thủ tục giao đất để lập quy hoạch chi tiết thu hồi giải phóng mặt bằng.

3.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo biểu mẫu 02B)

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

3.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

3.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tổng tài sản đầu năm là 25,12 tỷ đồng, tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 25,16 tỷ đồng. Trong năm 2022, công ty thực hiện nâng cấp hệ thống phần mềm xổ số làm tăng tài sản cố định vô hình số tiền là 104 triệu đồng; Trích khấu hao tài sản số tiền là 495,1 triệu đồng.

b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 1.152,4 trđ;

+ Trong đó:

+ Phải thu của khách hàng (TK 131): 51,6 trđ (Số công nợ phải thu các loại vé xổ số thời điểm 31/12/2022 của Tổng đại lý xổ số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định và tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên và đại lý xổ số)

+ Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 827,4 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện hợp đồng khảo sát, đo đạc xây dựng trụ sở công trình phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa, Sơn Dương.

+ Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp tại Hội đồng Xổ số kiến thiết Miền Bắc.

+ Phải thu khác (TK 138): 112,1 trđ là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 31/12/2022.

+ Tạm ứng (TK141): 79,0 trđ (Số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty, tiền tạm ứng tổng kết công tác phát hàng xổ số tại các điểm tổng đại lý xổ số)

+ Phải trả, phải nộp khác: 0,4 trđ.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải trả là : 13.169,4 trđ

+ Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 12.498,9 trđ

- Nợ dài hạn: 670,5 trđ

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 6.595,6 trđ chiếm 50,1%; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tháng 12 năm 2022 là 1.818,8 trđ chiếm 13,8%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 1.331,6 trđ chiếm 10,1%; Phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền bắc) là 947,2 trđ chiếm 7,2%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.159,7 trđ chiếm 8,8%. Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 670,5 trđ chiếm 5,1%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{15.640,3 \text{ trđ}}{12.498,9 \text{ trđ}} = 1,25$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{13.169,4 \text{ trđ}}{12.000,0 \text{ trđ}} = 1,09$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

4. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

4.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bốc	Vé	500.000	300.000	400.000	400.000
Xổ số Bốc 5.000đ	Vé	300.000	300.000	350.000	250.000
Xổ số Bốc 10.000đ	Vé	200.000	0	50.000	150.000
Xổ số Cặp số	Vé	833.870	800.000	853.780	780.090
XS Cặp số 10.000đ	Vé	156.300	0	104.300	52.000
XS Cặp số 20.000đ	Vé	579.450	500.000	602.500	476.950
XS Cặp số 50.000đ	Vé	98.120	300.000	146.980	251.140
Xổ số Lô tô	Vé	3.250.480	2.500.000	4.099.270	1.651.210
XS Lô tô 5.000đ	Vé	723.200	500.000	883.100	340.100
XS Lô tô 10.000đ	Vé	1.009.000	1.500.000	2.328.400	180.600
XS Lô tô 20.000đ	Vé	708.100	500.000	754.650	453.450
XS Lô tô 50.000đ	Vé	810.180	0	133.120	677.060
Xổ số Lô tô 3/23	Vé	0	200.000	91.300	108.700
XS Lô tô 10.000đ	Vé	0	100.000	77.500	22.500
XS Lô tô 20.000đ	Vé	0	100.000	13.800	86.200
Xổ số Kiến thiết	Vé	598.000	7.189.000	7.215.000	572.000
XSKT 10.000đ	Vé	598.000	7.007.000	7.124.000	481.000
XSKT 20.000đ	Vé	0	182.000	91.000	91.000
Tổng cộng	Vé	5.182.350	10.989.000	12.659.350	3.512.000

4.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của công ty được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do công ty ban hành.

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: Năm 2022 của Công ty là 63.399,72 triệu đồng bằng 99,78% so với năm 2021 (63.538,72 triệu đồng), và bằng 101,35% so với năm 2020 (62.553,61 triệu đồng) trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 62.837,16 triệu đồng bằng 99,89% so với năm 2021 (62.904,59 triệu đồng) và bằng 101,73% so với năm 2020 (61.767,56 triệu đồng);

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 543,35 triệu đồng bằng 89,59% so với năm 2021 (606,44 triệu đồng) và bằng 74,86% so với năm 2020 (725,78 triệu đồng);

+ Thu nhập khác: 19,20 triệu đồng (năm 2021 là 27,68 triệu đồng; năm 2020 là 60,27 triệu đồng).

b) Về chi phí Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Thực hiện năm 2022 của Công ty:

- Tổng chi phí: Năm 2022, tổng chi phí là 61.285,51 triệu đồng bằng 99,50% so với năm 2021 (61.591,70 triệu đồng) và bằng 101,02% so với năm 2020 (60.667,53 triệu đồng), trong đó:

+ Chi phí kinh doanh là 49.105,42 triệu đồng bằng 98,48% so với năm 2021 (49.859,44 triệu đồng) và bằng 99,51% so với năm 2020 (49.346,30 triệu đồng);

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp là 12.116,67 triệu đồng bằng 104,19% so với năm 2021 (11.628,59 triệu đồng) và bằng 107,07% so với năm 2020 (11.316,62 triệu đồng);

+ Chi phí khác là 63,42 triệu đồng (năm 2020 là 103,67 triệu đồng; năm 2019 là 4,61 triệu đồng).

4.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$\text{ROE} = \frac{1.678,67 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 13,99\%$$

$$\text{ROA} = \frac{1.678,67 \text{ trđ}}{25.169,46 \text{ trđ}} = 6,67\%$$

Lợi nhuận trước thuế 2.114,19 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế là 1.678,67 triệu đồng đạt 100,04% so với kế hoạch giao (kế hoạch năm 1.678,0 triệu đồng) bằng 101,13% so với năm 2021 (1.659,92 triệu đồng) và bằng 103,94% so với năm 2020 (1.615,03 triệu đồng); Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân 17,62%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 13,99%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 6,67%.

4.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

a) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	- 77 trđ
+ Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	80.053 trđ
+ Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 11.286 trđ
+ Tiền chi trả cho người lao động:	- 4.749 trđ
+ Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 468 trđ
+ Tiền thu khác cho HĐKD:	8.396 trđ
+ Tiền chi khác cho HĐKD:	- 72.022 trđ
b) Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	- 413 trđ
+ Tiền chi xây dựng TSCĐ:	trđ
+ Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	trđ
+ Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	- 23.108 trđ
+ Tiền thu hồi đầu tư :	22.260 trđ
+ Tiền thu lãi cho vay:	435 trđ
c) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh)	
+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	- 491 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.230 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	1.739 trđ

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 2.230 triệu đồng

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 là 88.449 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 88.525 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -77 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: năm 2022 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư 22.695 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư 23.108 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là - 413 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính: Năm 2022 không phát sinh.

- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 1.739 triệu đồng.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo: lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty như: Nộp thuế, thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp dịch vụ, chi trả thưởng các loại hình xổ số (xổ số truyền thống, xổ số bốc, xổ số lô tô), chi trả tiền lương, tiền công, hoa hồng xổ số... và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT... cho người lao động theo quy định.

- Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023: Dòng tiền tạo từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước: Năm 2022 công ty phải nộp ngân sách số tiền 18.231,17 triệu đồng. Công ty đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.948,60 triệu đồng.

- Năm 2022 công ty trích lập các quỹ số tiền là 1.218,18 triệu đồng, trong đó: quỹ đầu tư phát triển là 131,17 triệu đồng; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 950,15 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 136,85 triệu đồng. Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các Quỹ tổng số tiền là 952,35 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 836,45 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 115,90 triệu đồng.

6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

7. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện các ý kiến của Kiểm toán độc lập, Kiểm soát viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện kiểm toán, kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp.

(Báo cáo kèm theo các mẫu biểu số 02.C; 02.D; 05.A; 05.B; 02.A và B06MS01)

Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh: | (Báo cáo)
- Sở Tài Chính: |
- Kiểm soát viên;
- Lãnh đạo công ty;
- Lưu VT, KT.



Nguyễn Thanh Tùng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12//2022 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2022 (Triệu đồng)		Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)			
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số vay	Thời hạn (%)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	
																			4
			Đơn vị tính: Triệu đồng																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
3	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xô số kiến Tuyến Quang	Quyết định số 54/QĐ- XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Tuyến Quang	177,4	177,4	100%			Trên 240 ngày					140,0	140,0		140,0	140,0		
			1.026,1	1.026,1	3,0											827,0	827,0	827,0	

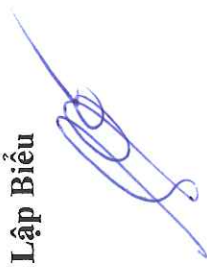
GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

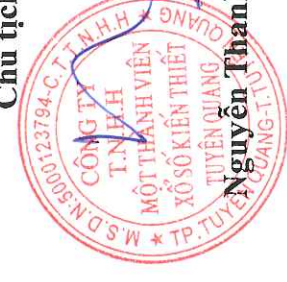
Lập Biểu

Chủ tịch

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023



Lương Việt Hân



Nguyễn Thanh Tùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
			(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1 Sản lượng SXSP chủ yếu							
2 Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3 Tồn kho cuối kỳ							
B Chỉ tiêu tài chính							
1 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.031	72.339	77.272	72.262	101,7%	100%	94%
2 Giá vốn hàng bán							
3 LN gộp BH và cung cấp DV	12.421	13.045		13.731	111%	105%	
4 Doanh thu hoạt động tài chính	725	606		543	75%	90%	
5 Chi phí tài chính							
6 Chi phí bán hàng							
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.316	11.628		12.116	107%	104%	
8 LN thuần từ hoạt động KD	1.830	2.023	-	2.158	118%	107%	
9 Thu nhập khác	60,2	27		19	32%	71%	
10 Chi phí khác	4,6	103,6		63,4	1378%	61%	
11 Lợi nhuận khác	55,6	(76,6)	-	(44,2)	79%	58%	
12 Tổng LN kế toán trước thuế	1.886	1.946	2.098	2.114	112%	109%	101%
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	271	287	420	436	161%	152%	104%
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15 Lợi nhuận sau thuế DN	1.615	1.659	1.678	1.678	104%	101%	100,0%

Lập biểu

Lương Việt Hân

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

DVT: đồng

TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	Thuế	1.025.066.557	18.039.815.616	17.956.634.254	1.108.247.919
+	Thuế GTGT	637.673.737	7.249.076.690	7.375.258.773	511.491.654
+	Thuế TTDB	854.550.595	9.424.985.575	9.541.069.569	738.466.601
+	Thuế TNDN	35.880.878	435.524.454	468.314.903	3.090.429
+	Thuế TNCN	(449.413.053)	751.476.897	446.864.609	(144.800.765)
+	Thuế đất	(53.625.600)	178.752.000	125.126.400	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	4.432.093	4.432.093	-
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.432.093	4.432.093	-
3	LN sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước	(9.452.028)	460.491.423	200.000.000	251.039.395
4	Tổng cộng 4=1+2+3	1.015.614.529	18.504.739.132	18.161.066.347	1.359.287.314

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

DVT: đồng

	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.868.828.587	131.171.413		3.000.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	873.775.747	950.152.606	836.454.617	987.473.736
3	Quỹ thường VCCOLDN	151.302.911	136.856.858	115.902.698	172.257.071
4	Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp	-			-
5	Quỹ đặc thù khác nếu có (Dự phòng trả thưởng)	7.204.594.660		608.956.150	6.595.638.510
6	Tổng cộng 6=1+2+3+4+5	11.098.501.905	1.218.180.877	1.561.313.465	10.755.369.317

Người lập biểu

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch

Lương Việt Hân

Nguyễn Thanh Tùng

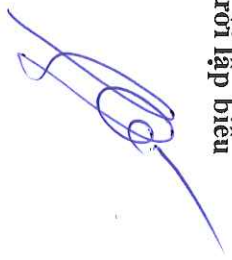


DANH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại				
Doanh thu (Triệu đồng)			LN sau thuế (Triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)		Tỷ suất LN sau thuế/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại		
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)				Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Nợ quá hạn (Tr.đồng)
85.000	79.488	B	1.678	1.678,6	11.868	12.000	14%	14%	A	15.640	12.498	1,25	-	-	A	A	A

Người lập biểu



Lương Việt Hân

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023
 Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu		Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	14,13%	14,14%	Xếp loại A	Thực hiện tốt	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Người lập biểu



Lương Việt Hân

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIỆT TUYÊN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2022

	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	11.868 tr.đ	12.000 tr.đ	1,011
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.000 tr.đ	9.000 tr.đ	
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.868 tr.đ	3.000 tr.đ	
3	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	
B	Tổng tài sản	25.120 tr.đ	25.169 tr.đ	
C	Lợi nhuận sau thuế	x	1.678,6 tr.đ	
D	Hiệu quả sử dụng vốn			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	x	13,99%	x
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	x	6,67%	x

Lập biểu

Lương Việt Hàn

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023
Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

